

THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Nguyễn Thị Phương Loan⁽¹⁾

Tóm tắt:

Từ kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, tác giả đã đề xuất một số giải pháp quản lý hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên theo hướng đảm bảo chất lượng.

Từ khóa: Giải pháp, quản lý chất lượng, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, Đại học TDTT Bắc Ninh.

Current status and proposed solutions for managing pedagogical training activities of students majoring in Physical Education at the Bac Ninh Sports University following the orientation of quality assurance

Summary:

The author based on the assessment results of the current status in managing pedagogical training activities of students majoring in Physical Education at the Bac Ninh Sports University, then proposed some solution used in students' pedagogical training activities management, which follow the orientation of quality assurance.

Keywords: Solutions, quality management, pedagogical training, Bac Ninh Sports University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Quản lý vừa là một khoa học vừa là một nghệ thuật mang tính phức hợp, có vai trò quyết định việc đạt được mục tiêu của tổ chức. Còn chất lượng là vấn đề sống còn của mọi tổ chức trong cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế. Đảm bảo chất lượng đào tạo, bồi dưỡng & rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (RLNVSP) là yếu tố quyết định nhằm tạo ra những “sản phẩm” có chất lượng, đáp ứng đúng yêu cầu đổi mới căn bản & toàn diện giáo dục – đào tạo ở Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Quản lý chất lượng (QLCL) đào tạo trong các cơ sở giáo dục hiện nay là một vấn đề mang tính thời sự và khá mới, đồng thời cũng là một khâu còn có nhiều hạn chế, cần được đổi mới.

Mô hình về QLCL trong giáo dục được rất nhiều tác giả trong nước & nước ngoài quan tâm, nghiên cứu, trong đó có mô hình QLCL CIPO. Việc vận dụng một mô hình QLCL vào quản lý hoạt động đào tạo nói chung & hoạt

động RLNVSP nói riêng cần được xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng, có phương pháp tiếp cận phù hợp và có những điều chỉnh theo bối cảnh tác động. Vì vậy, vận dụng mô hình QLCL CIPO vào quản lý hoạt động dạy học & RLNVSP của sinh viên (SV) Ngành Giáo dục thể chất (GDTC), Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh (ĐHTDTTBN) là vấn đề rất cần thiết.

HƯỚNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm: phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp chuyên gia, phương pháp toán học thống kê.

Trong phạm vi của bài báo khoa học này, chúng tôi chỉ nêu kết quả khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của giảng viên (GV) về thực trạng quản lý hoạt động RLNVSP của SV ngành GDTC Trường ĐHTDTTBN, còn những ý kiến đánh giá phản hồi của người học (sinh viên Ngành GDTC) sẽ được đề cập trong một chủ đề hoặc bài báo khoa học khác.

⁽¹⁾ThS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh; Email: loanbmtlgd@gmail.com

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng quản lý hoạt động RLNVSP của SV Ngành GDTC

Vận dụng mô hình CIPO về quản lý hoạt động RLNVSP của SV Ngành GDTC Trường ĐHTDĐTBN theo hướng đảm bảo chất lượng được chúng tôi lựa chọn. Theo đó, hoạt động RLNVSP của SV bao gồm 03 nội dung: Quản lý đầu vào; Quản lý quá trình thực hiện và Quản lý đầu ra. Mỗi quá trình quản lý đều có các tiêu chí đánh giá với các mức độ khác nhau.

Kết quả khảo sát ý kiến của 29 GV (trong đó có 4 GV giảng dạy các môn RLNVSP như Tâm lý, Giáo dục, Giao tiếp sư phạm & 25 GV giảng dạy các môn lý thuyết) của Trường ĐHTDĐTBN về thực trạng quản lý hoạt động RLNVSP được trình bày theo 03 nội dung.

1.1. Đánh giá thực trạng quản lý đầu vào hoạt động RLNVSP của sinh viên Ngành Giáo dục thể chất

Kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy: 2/7 tiêu

chỉ đạt tỷ lệ “Đồng ý” tương đối cao (trên 80%) gồm: Chính sách (ưu tiên, động viên, khen thưởng) được xác định rõ ràng, được ban hành, phổ biến và cập nhật; Công tác tư vấn đào tạo - bồi dưỡng, RLNVSP cho SV được giám sát/kiểm tra toàn diện & công khai. Các tiêu chí còn lại có tỷ lệ “đồng ý” ở mức trung bình khá. Không có tiêu chí nào ở mức thấp, dưới trung bình. Điều này chứng tỏ, cán bộ quản lý có nhận thức đúng, đầy đủ về tầm quan trọng, ý nghĩa của hoạt động RLNVSP của SV, đồng thời cũng thể hiện được sự quan tâm & ủng hộ của các cấp quản lý trong Nhà trường.

1.2. Đánh giá thực trạng quản lý quá trình thực hiện hoạt động RLNVSP của sinh viên

Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: Các tiêu chí đạt tỷ lệ “đồng ý” rất cao, gồm: Đội ngũ giảng dạy RLNVSP; Chương trình tài liệu; Phương pháp và phương tiện dạy học RLNVSP, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Một số tiêu chí ở mức trung bình như: Thời gian

Bảng 1. Kết quả đánh giá của giảng viên về thực trạng quản lý đầu vào hoạt động RLNVSP của sinh viên (n = 29)

STT	Tiêu chí đánh giá đầu vào hoạt động RLNVSP của SV	Ý kiến đánh giá (%)		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Công tác tư vấn đào tạo, bồi dưỡng RLNVSP của SV rất tốt	82.76	6.89	10.34
2	Xây dựng kế hoạch công tác tư vấn đào tạo – bồi dưỡng, RLNVSP cho SV dựa trên nhu cầu, năng lực của người học và chủ trương của Nhà trường	72.41	20.69	6.89
3	Công tác tư vấn đào tạo – bồi dưỡng, RLNVSP cho SV được giám sát/kiểm tra toàn diện & công khai	62.07	27.59	10.34
4	Thông tin – nội dung tư vấn đào tạo – bồi dưỡng, RLNVSP cho SV đáp ứng và thu hút được người học	65.52	13.79	20.69
5	Chính sách (ưu tiên, động viên, khen thưởng) được xác định rõ ràng, được ban hành, phổ biến và cập nhật	86.21	10.34	3.44
6	Công tác kiểm tra, giám sát quá trình tư vấn đào tạo – bồi dưỡng, RLNVSP cho SV được thực hiện thường xuyên theo định kỳ bằng phần mềm quản lý	62.07	17.24	20.69
7	Có xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV, đội ngũ dự tuyển tiềm năng	79.31	6.89	13.79

Bảng 2. Kết quả đánh giá của giảng viên về thực trạng quản lý quá trình thực hiện hoạt động RLNVSP của sinh viên (n = 29)

STT	Tiêu chí đánh giá quá trình thực hiện hoạt động RLNVSP của SV	Ý kiến đánh giá (%)		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Thông tin/nội dung chương trình, tài liệu học tập các môn học RLNVSP được đăng tải, phổ biến	82.75	10.34	6.89
2	Đội ngũ giảng dạy RLNVSP đủ tiêu chuẩn, có kinh nghiệm	93.1	6.89	0
3	Các môn học RLNVSP được thiết kế đảm bảo tỷ lệ cân đối với các môn kiến thức cơ sở & kiến thức chuyên ngành	79.31	17.24	3.44
4	Nội dung chương trình học tập RLNVSP được cập nhật thường xuyên, gắn với thực tiễn	89.65	10.34	0
5	Phương pháp dạy học áp dụng theo hướng tích cực hóa người học, lấy người học làm trung tâm	86.2	13.79	0
6	Thư viện, CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy & học được trang bị đầy đủ, được bảo dưỡng định kỳ. Có phòng học RLNVSP	65.51	20.69	13.79
7	Có hệ thống CNTT, internet phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học	68.96	17.24	13.79
8	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo các tiêu chí rõ ràng, đảm bảo được các chức năng, các yêu cầu cơ bản	86.2	10.34	3.44
9	Nhu cầu & thông tin phản hồi của các bên liên quan được sử dụng để phục vụ cho hoạt động RLNVSP của SV	93.1	0	6.89
10	Thời gian dạy học các môn RLNVSP đáp ứng được yêu cầu phát triển năng lực sư phạm của GV theo tiếp cận NLTH	62.06	27.58	10.34
11	Quá trình dạy học RLNVSP thực hiện đúng theo quy định, quy chế dạy học của Nhà trường, đảm bảo mục tiêu đã đặt ra	96.55	3.44	0

dạy học các môn RLNVSP đáp ứng được yêu cầu phát triển năng lực sư phạm của GV theo tiếp cận NLTH có tỷ lệ “đồng ý” là 62,06%; Thư viện, CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy & học được trang bị đầy đủ, được bảo dưỡng định kỳ. Có phòng học NVSP đạt tỷ lệ “đồng ý” là 65,51%; Có hệ thống CNTT, internet phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học có tỷ lệ “đồng ý” là 68,96%. Đây là những điều kiện (yếu tố) hỗ trợ quá trình thực hiện hoạt động dạy

học & RLNVSP của SV, song chưa được quan tâm & đầu tư đúng mức.

1.3. Đánh giá thực trạng quản lý đầu ra hoạt động RLNVSP của sinh viên

Kết quả khảo sát theo các tiêu chí phản ánh thực trạng quản lý đầu ra đối với nhà quản lý, các cấp quản lý được thể hiện ở bảng 3.

Nhận xét: Các tiêu chí được đánh giá với sự chênh lệch khá lớn; Tiêu chí được đánh giá cao nhất là: Xác định tỷ lệ người học hoàn thành các

Bảng 3. Kết quả đánh giá thực trạng quản lý đầu ra hoạt động RLNVSP của sinh viên (n = 29)

STT	Tiêu chí đánh giá quản lý đầu ra hoạt động RLNVSP của SV	Ý kiến đánh giá (%)		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả sau khi SV đã học xong các môn RLNVSP	89.65	3.44	6.89
2	Lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi học xong các môn học RLNVSP	65.52	13.79	20.69
3	Xác định tỷ lệ người học hoàn thành các môn RLNVSP với các mức độ đánh giá khác nhau	96.55	3.44	0
4	Xác định được sự hài lòng của người học về việc vận dụng kiến thức vào công việc thực tế	72.41	17.24	10.34
5	Xác định được sự hài lòng của người sử dụng lao động để có đối sách cải tiến chất lượng đào tạo	27.59	20.69	51.72

môn RLNVSP với các mức độ đánh giá khác nhau đạt tỷ lệ “đồng ý” là 96,55% (gần tuyệt đối); Tiếp đến là tiêu chí: Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả sau khi SV đã học xong các môn RLNVSP có tỷ lệ “đồng ý” là 89,65%; Tiêu chí đạt thấp nhất là: Xác định được sự hài lòng của người sử dụng lao động để có đối sách cải tiến chất lượng đào tạo chỉ đạt tỷ lệ “đồng ý” là 27,59 %. Trong thực tế tiêu chí đánh giá này rất khó khả thi khi SV đã tốt nghiệp, ra công tác.

2. Đề xuất các giải pháp quản lý hoạt động RLNVSP của sinh viên ngành GDTC theo hướng đảm bảo chất lượng

2.1. Cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp

(1) Định hướng phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức quản lý giáo dục của Nhà trường

Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục & đào tạo, Chính phủ đã xác định phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức quản lý giáo dục bao gồm việc đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và năng lực thực hiện nhiệm vụ.

(2) Các nguyên tắc xây dựng giải pháp

Các giải pháp được đề xuất và xây dựng phải đảm bảo các nguyên tắc: đảm bảo tính hệ thống; đảm bảo tính thực tiễn; đảm bảo tính kế thừa,

bổ sung & có chọn lọc; đảm bảo tính đồng bộ.

2.2. Đề xuất các giải pháp quản lý hoạt động RLNVSP của sinh viên ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Căn cứ kết quả đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động RLNVSP của SV Ngành GDTC được dựa trên nội dung cơ bản của mô hình quản lý CIPO, nhóm nghiên cứu đề xuất 3 giải pháp quản lý hoạt động RLNVSP của SV ngành GDTC Trường ĐHTDTTBN như sau:

Giải pháp 1: Xây dựng & hoàn thiện quy trình quản lý hoạt động RLNVSP của SV ngành GDTC Trường ĐHTDTTBN.

Giải pháp 2: Quản lý các điều kiện của quá trình thực hiện hoạt động RLNVSP của SV ngành GDTC Trường ĐHTDTTBN theo hướng đảm bảo chất lượng.

Giải pháp 3: Quản lý đánh giá kết quả đầu ra hoạt động RLNVSP của SV theo hướng đảm bảo chất lượng.

Sau khi đề xuất, nhằm đảm bảo tính khoa học và khách quan, đề tài tiến hành kiểm chứng lý thuyết 03 giải pháp. Các chuyên gia được hỏi ý kiến là những cán bộ giảng dạy có kinh nghiệm dạy học RLNVSP từ 10 năm trở lên, tích cực tham gia vào quá trình đào tạo, RLNVSP của SV.

Qua thăm dò ý kiến của 4 chuyên gia về lĩnh vực giáo dục – dạy học NVSP trên cơ sở đánh giá tính khả thi & tính cần thiết của các giải



Nâng cao trình độ thực hành các kỹ thuật là biện pháp hiệu quả giúp nâng cao khả năng thị phạm kỹ thuật động tác, một trong những yếu tố cơ bản của nghiệp vụ sư phạm GDTC

pháp đã đề xuất, 100 % ý kiến của chuyên gia cho rằng các giải pháp đều có tính khả thi & tính cần thiết.

KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động RLNVSP của SV Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trên 03 nội dung: quản lý đầu vào, quản lý quá trình thực hiện và quản lý đầu ra hoạt động RLNVSP của SV cho thấy: Số lượng các tiêu chí đạt mức độ “đồng ý” khá cao, một số tiêu chí có tỷ lệ “đồng ý” ở mức trung bình và duy nhất có một tiêu chí có tỷ lệ “đồng ý” thấp, chiếm 27,59% đó là: Xác định được sự hài lòng của người sử dụng lao động để có đối sách cải tiến chất lượng đào tạo.

Kết quả khảo sát đã cho thấy, cán bộ quản lý Nhà trường đã có sự quan tâm & ủng hộ hoạt động RLNVSP của SV ngành GDTC. Tuy vậy, sự quan tâm chưa thực sự thường xuyên & có hệ thống kiểm tra, giám sát đảm bảo chất lượng, thực hiện chủ yếu ở cấp Bộ môn; Công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động RLNVSP của SV chưa tốt, chưa thực sự hiệu quả; Người học chưa thực sự hài lòng về chất lượng đào tạo; Thiếu sự đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, phương tiện dạy học hiện đại; Chưa xây dựng được quy trình tự đánh giá chương trình các môn học NVSP trong nhà

trường; Thời gian dạy & học các môn RLNVSP tương đối ngắn.

Chúng tôi bước đầu đề xuất và kiểm chứng 03 giải pháp quản lý hoạt động RLNVSP của SV Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh theo hướng đảm bảo chất lượng nhằm nâng cao chất lượng công tác RLNVSP của SV của Nhà trường trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tạ Thị Kiều An (2004), *Quản lý chất lượng trong các tổ chức*, Nxb Thống Kê, Hà Nội.
2. Nguyễn Tiến Đạt (2004), “Bàn về chất lượng giáo dục”, *Tạp chí phát triển giáo dục*, số 12 tháng 12/2004.
3. Trần Khánh Đức (2004), *Quản lý và kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực theo ISO & TQM*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Minh Đường (2012), *Quản lý chất lượng giáo dục*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Trần Thị Bích Liễu (2008), *Nâng cao chất lượng giáo dục đại học: Những giải pháp mang tính hệ thống và định hướng thị trường*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

(Bài nộp ngày 18/10/2023, Phản biện ngày 3/11/2023, duyệt in ngày 30/11/2023)